

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ - ST

Ngày 14/8/2019.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến, ông Đinh Duy Quyết.

Thư ký phiên toà: Ông Đoàn Thanh Minh – Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Khu phố B, phường B, thị xã Th, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Bùi Thị G, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N.

Ông H có mặt, bà G vắng mặt – có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2019 và bản tự khai nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày: Giữa ông H và bà Bùi Thị G có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/10/2013 tại Ủy ban nhân dân(UBND) phường B, thị xã Th, tỉnh B. Sau khi cưới ông H và bà G về chung sống với nhau tại Khu phố B, phường B, thị xã Th, tỉnh B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn, đến tháng 11/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông H gặp tai nạn té ngã nhưng bà G không quan tâm chăm sóc, ông H đã bỏ qua nhưng tình cảm vợ chồng từ đó giảm sút. Sau đó vợ chồng lại mâu thuẫn thêm về việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Đến ngày 19/3/2019 vợ chồng cãi nhau kịch liệt và bà G đã bỏ về quê cũ ở thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N sinh sống, kể từ đó vợ chồng sống ly thân hoàn toàn không còn quan tâm, liên lạc gì đến nhau. Nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng

tôi đã thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Bùi Thị G.

Về con chung: Ông H trình bày vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung và không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết mối quan hệ này.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nhiều lần tổng đạt trực tiếp các loại văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà G vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2019 bà Bùi Thị G thừa nhận việc kết hôn, quá trình chung sống giữa bà với ông H đúng như ông H trình bày nêu trên. Bà G thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn không thể hòa giải được nên khoảng tháng 3/2019 bà đã trở về quê cũ ở thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N sinh sống, kể từ đó vợ chồng sống ly thân hoàn toàn là đúng. Bà G thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được nhưng bà G không đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà G cũng xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà G cũng xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung và không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết mối quan hệ này.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho ông Lê Văn H được ly hôn bà Bùi Thị G; miễn án phí cho ông H.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Bùi Thị G có địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa nhưng có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của ông Lê Văn H và bà Bùi Thị G là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người về chung sống với nhau tại Khu phố B, phường B, thị xã Th, tỉnh B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo sự trình bày của ông H, là do ông H gặp tai nạn té ngã nhưng bà G không quan tâm chăm sóc, làm cho tình cảm vợ chồng từ đó giảm sút, đồng thời hai người lại không có tiếng nói chung về việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Bà G cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn không thể khắc phục, hòa giải được nên từ tháng 3/2019 bà G đã về quê cũ ở thôn Đ xã G, huyện G, tỉnh N sinh sống, kể từ đó vợ chồng sống ly thân hoàn toàn. Bản thân bà G tuy không đồng ý ly hôn nhưng lại không có mặt tại Tòa án để làm việc, hòa giải trong khi bà G vẫn đang sinh sống, làm việc tại thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N, dù được Tòa án đến tận nơi tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều đó chứng tỏ bà G cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng ông Lê Văn H và bà Bùi Thị G đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn H xử cho ông Lê Văn H được ly hôn bà Bùi Thị G là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do sự trình bày của ông H và bà G là thống nhất nên Tòa án xác định ông H và bà G không có con chung.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Ông H và bà G đều xác định vợ chồng không có tài sản và công nợ chung và không có yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Ông H là thương binh, cũng là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ông Lê Văn H được ly hôn vắng mặt bà Bùi Thị G.

2. Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm ly hôn cho ông Lê Văn H

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm
yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND phường B, thị xã Th, tỉnh
B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HỮU QUỐC